TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/10/2018.
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Viên**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Huy Liên**
Ông **Ngô Tiến Thành**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tuân** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích V.**

Địa chỉ: Tổ 13, Đường Đ., phường Vĩnh H., thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn H.**

Địa chỉ: Ô 5, lô 63, tổ 16, Đường Đ., phường Vĩnh H., thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn – bà Trần Thị Bích V. trình bày:* Bà Trần Thị Bích V. và ông Nguyễn H. tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Xương Huân, thành phố Nha Trang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2002.

Sau một thời gian chung sống, vợ cH. thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Bà V., ông H. đã nhiều lần hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Bà V. muốn chấm dứt cuộc sống hôn nhân với ông H. để ổn định cuộc sống, thoải mái lo cho con cái nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H..

Về con chung: Bà V. và ông H. có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N., sinh ngày 04/5/2002, Nguyễn Thị Như Y. sinh ngày 31/10/2004, Nguyễn Thị Cát T. sinh ngày 19/7/2006 và Nguyễn Thị Hoài N. sinh ngày 30/01/2011. Bà V. yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 04 con chung và không yêu cầu ông H. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – ông Nguyễn H. đã được Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng ông H. không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập nên Tòa án không lấy được lời khai của ông H., không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa ông H. cũng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Bích V. được ly hôn với ông Nguyễn H.; giao 04 con chung là các cháu Nguyễn Thị Tuyết N., sinh ngày 04/5/2002, Nguyễn Thị Như Y. sinh ngày 31/10/2004, Nguyễn Thị Cát T. sinh ngày 19/7/2006 và Nguyễn Thị Hoài N. sinh ngày 30/01/2011 cho bà V. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H. tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V. không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn H. đã được Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích V. và ông Nguyễn H. tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường Xương Huân, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 quyển số 01/2002, ngày 08/4/2002, đây là hôn nhân hợp pháp.

Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của ông H. nhưng căn cứ vào lời khai của bà V. thì sau một thời gian chung sống với nhau, giữa bà V. và ông H. thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả, xúc phạm lẫn nhau. Vợ cH. đã nhiều lần hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện, tình cảm vợ cH. không còn. Bà V. yêu cầu được ly hôn ông H. để ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H. đến Tòa để làm việc nhưng ông H. không chấp hành và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy ông H. đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa ông và bà V.. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà V. và ông H. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà V. là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà V. được ly hôn ông H.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị Bích V. và ông Nguyễn H. có 04 con chung là các cháu Nguyễn Thị Tuyết N., sinh ngày 04/5/2002, Nguyễn Thị Như Y. sinh ngày 31/10/2004, Nguyễn Thị Cát T. sinh ngày 19/7/2006 và Nguyễn Thị Hoài N. sinh ngày 30/01/2011. Bà V. có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 04 con chung và không yêu cầu ông H. cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu Nguyễn Thị Tuyết N., Nguyễn Thị Như Y., Nguyễn Thị Cát T. và Nguyễn Thị Hoài N. hiện nay đang ở với bà V. và có nguyện vọng được ở với mẹ; Tòa án chưa lấy được lời khai của ông H. nên Hội đồng xét xử giao cả 04

con chung cho bà V. tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H. tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà V. không yêu cầu.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Bà V. không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị Bích V. phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích V. được ly hôn ông Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao 04 con chung là các cháu Nguyễn Thị Tuyết N., sinh ngày 04/5/2002, Nguyễn Thị Như Y. sinh ngày 31/10/2004, Nguyễn Thị Cát T. sinh ngày 19/7/2006 và Nguyễn Thị Hoài N. sinh ngày 30/01/2011 cho bà Trần Thị Bích V. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn H. tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V. không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Bích V. phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008515 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà V. đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bà V. có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông H. vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND TP. Nha Trang;*
- *Chi cục THADS TP. Nha Trang;*
- *UBND P. Xương Huân (số 21, quyển số 01/2002);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Viên